

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(đã được soát xét)



MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	05-23
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	05-06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	08-09
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	10-23

20510
CHI
CÔNG
KIỂM T
THẨM Đ
VIỆT
MIỀN
TINH - T

NGA

NGA

NGA

NGA

NGA

NGA

NGA

NGA

NGA

NGA

NGA

NGA

NGA

NGA

NGA

NGA

- NGA

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.



Thay mặt Ban Giám đốc

Đào Mạnh Hà
Giám đốc

Nghệ An, ngày 12 tháng 7 năm 2024



Số: 17/BCTC/AVA.MT

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc**
Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải khu vực VI

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải khu vực VI được lập ngày 12 tháng 7 năm 2024, từ trang 05 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải khu vực VI tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam
Chi nhánh miền Trung



Nguyễn Thị Kim

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4535-2023-126-1

Nghệ An, ngày 12 tháng 7 năm 2024

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		41.358.163.313	41.791.005.502
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	19.280.765.781	19.658.183.223
111	1. Tiền		8.280.765.781	8.658.183.223
112	2. Các khoản tương đương tiền		11.000.000.000	11.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	15.000.000.000	17.141.328.767
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		15.000.000.000	17.141.328.767
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.703.093.742	4.245.989.571
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	6.291.052.669	3.217.211.760
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	352.475.450	810.234.299
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	59.565.623	218.543.512
140	IV. Hàng tồn kho	8	132.198.811	144.677.536
141	1. Hàng tồn kho		132.198.811	144.677.536
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		242.104.979	600.826.405
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	11	159.198.384	420.931.986
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	179.894.419
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	13	82.906.595	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		19.002.834.600	18.991.388.891
220	II. Tài sản cố định		16.569.728.699	17.811.468.911
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	16.569.728.699	17.811.468.911
222	- Nguyên giá		35.013.211.007	34.690.443.280
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(18.443.482.308)	(16.878.974.369)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	9	370.102.635	-
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		370.102.635	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		2.063.003.266	1.179.919.980
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	11	2.063.003.266	1.179.919.980
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		60.360.997.913	60.782.394.393

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc,
thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2024	01/01/2024
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		12.645.432.027	26.777.074.469
310	1. Nợ ngắn hạn		12.645.432.027	26.777.074.469
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	548.896.400	564.803.724
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	2.359.506.584	1.859.304.785
314	3. Phải trả người lao động		6.062.600.000	8.900.853.425
319	4. Phải trả ngắn hạn khác	14	1.712.795.254	12.833.961.803
322	5. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.961.633.789	2.618.150.732
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		47.715.565.886	34.005.319.924
410	1. Vốn chủ sở hữu	15	47.715.565.886	34.005.319.924
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		34.005.319.924	34.005.319.924
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		13.710.245.962	-
421b	LNST chưa phân phối năm nay		13.710.245.962	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		60.360.997.913	60.782.394.393

Trần Thị Thoa
Người lập

Dương Thị Minh Thanh
Kế toán trưởng

Đào Mạnh Hà
Giám đốc

Nghệ An, ngày 12 tháng 7 năm 2024

020510
CHI
CÔNG
KIỂM
THẨM
VIỆ
TẠI NH
TP. VINH

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	17	54.306.528.032	40.928.782.952
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		54.306.528.032	40.928.782.952
11	4. Giá vốn hàng bán	18	23.651.842.700	18.936.626.060
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		30.654.685.332	21.992.156.892
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19	185.426.793	56.835.750
22	7. Chi phí tài chính		-	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	7.428.563.418	6.162.752.187
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		23.411.548.707	15.886.240.455
31	11. Thu nhập khác		-	-
32	12. Chi phí khác	21	18.993.004	108.811.164
40	13. Lợi nhuận khác		(18.993.004)	(108.811.164)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		23.392.555.703	15.777.429.291
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	22	4.682.309.741	3.177.248.091
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		18.710.245.962	12.600.181.200

Trần Thị Thoa
Người lậpDương Thị Minh Thanh
Kế toán trưởngĐào Mạnh Hà
Giám đốc

Nghệ An, ngày 12 tháng 7 năm 2024

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2024	2023
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		23.392.555.703	15.777.429.291
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		1.564.507.939	1.532.774.042
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(185.426.793)	(56.835.750)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		24.771.636.849	17.253.367.583
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.511.616.347)	(2.252.192.334)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		12.478.725	34.397.113
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(2.492.191.799)	(4.127.549.678)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(621.349.684)	115.828.261
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(4.064.893.004)	(2.570.432.378)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(5.656.516.943)	(3.213.342.648)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		9.437.547.797	5.240.075.919
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(692.870.362)	(1.161.290.909)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(3.000.000.000)	(8.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		5.141.328.767	15.000.000.000
27	4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		336.926.793	56.835.750
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		1.785.385.198	5.895.544.841
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(11.600.350.437)	(5.597.122.115)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(11.600.350.437)	(5.597.122.115)

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành
phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(377.417.442)	5.538.498.645
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		19.658.183.223	6.796.124.923
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	571.702
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	19.280.765.781	12.335.195.270


Trần Thị Thoa
Người lập


Dương Thị Minh Thanh
Kế toán trưởng


Đào Mạnh Hà
Giám đốc

Nghệ An, ngày 12 tháng 7 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu Hàng hải khu vực VI được thành lập theo Quyết định số 1549/QĐ-BGTVT ngày 02 tháng 6 năm 2008 của Bộ Giao thông Vận tải, sau đó được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo Quyết định số 1780/QĐ-BGTVT ngày 25 tháng 6 năm 2010 của Bộ Giao thông Vận tải, được chuyển về làm đơn vị thành viên Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc theo quyết định số 2400/QĐ-BGTVT ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Bộ Giao thông Vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH số 2900910823 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 20 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ chín ngày 10 tháng 01 năm 2024.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

Chủ sở hữu: Tổng công ty Bảo đảm an toàn Hàng hải miền Bắc; Mã số doanh nghiệp 0200640769 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 03 tháng 8 năm 2010. Địa chỉ trụ sở chính: Số 01 - lô 11A đường Lê Hồng Phong, phường Đằng Hải, quận Hải An, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 40.980.013.762 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 34.005.319.924 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 là: 69 người (tại ngày 30 tháng 06 năm 2023 là: 68 người).

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
- Giáo dục khác chưa được phân vào đâu: Chi tiết: Đào tạo hoa tiêu hàng hải.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Văn phòng đại diện Công ty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải khu vực VI tại Thanh Hóa

Địa chỉ

Thôn Đông Yên, xã Hải Yên, thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hoá

Hoạt động kinh doanh chính

Giao dịch với khách hàng trong phạm vi hoạt động của công ty

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả: là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



2.5 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

2.6 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang lâm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 24	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 09	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05	năm

2.9 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

1074

HÀNH
S T Y T
I TOÁN
I ĐỊNH
T NẠN
EN TRU

T. NG

2.10 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra, kế toán ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

2.11 . Vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được thực hiện theo hướng dẫn tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ và Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26/5/2021 của Bộ Tài chính.

2.12 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.13 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

2.14 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024, Công ty được áp dụng các mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.15 . Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải

Giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải được quy định tại Thông tư số 54/2018/TT-BGTVT ngày 14/11/2018 của Bộ Giao thông vận tải về việc ban hành biểu khung giá dịch vụ hoa tiêu, dịch vụ sử dụng cầu, bến, phao neo, dịch vụ bốc dỡ container và dịch vụ lai dắt tại cảng biển Việt Nam; Quyết định số 479/QĐ-CTHTHHKV VI ngày 30/12/2022 của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI về việc ban hành biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải được áp dụng từ ngày 01/01/2023. Quyết định số 281/QĐ-CTHTHHKV VI ngày 28/6/2023 của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI về việc ban hành biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải được áp dụng từ ngày 01/7/2023. Quyết định số 71/QĐ-CTHTHHKV VI ngày 01/02/2024 của Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI về việc ban hành biểu giá dịch vụ hoa tiêu hàng hải được áp dụng từ ngày 15/02/2024.

2.16 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	96.103.798	320.379.846
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.184.661.983	8.337.803.377
Các khoản tương đương tiền (*)	11.000.000.000	11.000.000.000
	19.280.765.781	19.658.183.223

(*) Tại ngày 30/06/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có tổng giá trị 11.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An với lãi suất từ 1,90%/năm đến 2,10%/năm.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tiền gửi có kỳ hạn ^(*)	15.000.000.000	-	17.141.328.767	-
	15.000.000.000	-	17.141.328.767	-

(*) Tại ngày 30/6/2024, các khoản nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 04 tháng đến 06 tháng có tổng giá trị 15.000.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An với lãi suất từ 1,80%/năm đến 4,70%/năm.

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên khác				
- CN Công ty TNHH Hoyer Transport VN tại Hà Tĩnh		-	541.078.534	-
- Công ty TNHH Thanh Thành Đạt	495.857.784	-	190.000.553	-
- Công ty CP Dịch vụ - Vận tải Biển Hải Văn	283.980.648	-	375.357.370	-
- Công ty TNHH Đại Lý Hàng Hải Bình Minh	272.205.548	-	150.557.921	-
- Công ty CP Quốc tế KPB	952.282.253	-	274.200.511	-
- Công ty TNHH Lê Phạm	352.198.433	-	270.647.844	-
- CN Công ty CP Đại lý Hàng hải VN - Đại lý Hàng hải Bến Thủy	298.608.316	-	245.851.099	-
- CN Công ty TNHH Hansen Transport VN tại Hà Tĩnh	1.027.242.419	-	-	-
- Công ty CP Cảng dịch vụ dầu khí tổng hợp PTSC Thanh Hóa	507.469.487	-	208.293.090	-
- Phải thu khách hàng khác	2.101.207.781	-	961.224.838	-
	6.291.052.669	-	3.217.211.760	-

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên khác				
- Công ty Cổ phần Tập đoàn du lịch An Tín - Chi nhánh Bắc Trung Bộ	284.475.450	-	731.914.299	-
- Công ty TNHH Một thành viên Đóng tàu thuyền Hải Châu	68.000.000	-	-	-
- Ban QLDA Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc				
	352.475.450	-	810.234.299	-

7 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Bên khác				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	-	-	151.500.000	-
Tạm ứng	3.832.781	-	12.836.975	-
Phải thu khác	55.732.842	-	54.206.537	-
	59.565.623	-	218.543.512	-

8 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	132.198.811	-	144.677.536	-
	132.198.811	-	144.677.536	-

9 . XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	370.102.635	-
- Đóng mới 01 tàu đưa đón Hoa tiêu	370.102.635	-
	370.102.635	-

Tên dự án: Đóng mới 01 tàu đưa đón hoa tiêu

- Địa điểm xây dựng: Nhà máy đóng tàu trong nước
- Mục đích xây dựng: Bổ sung phương tiện thủy còn thiếu phải đi thuê ngoài của Công ty, đáp ứng yêu cầu đưa đón hoa tiêu an toàn, đồng thời nâng cao năng lực hoạt động, nâng cao hình ảnh và độ tin cậy với các Chủ tàu, Chủ cảng của Công ty trong việc cung ứng dịch vụ hoa tiêu hàng hải; Đáp ứng quy định về số lượng phương tiện đưa đón hoa tiêu tối thiểu của Công ty theo quy định hiện hành của Nhà nước.

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Hoa tiêu hàng hải khu vực VI
- Nguồn vốn đầu tư: Từ vốn tài đầu tư, vốn đầu tư phát triển của Công ty; vốn vay thương mại và các nguồn vốn hợp pháp khác
- Quy mô của dự án: Dự án nhóm C
- Tổng mức đầu tư: 14.950.000.000 đồng
- Thời gian bắt đầu triển khai và thời gian dự kiến hoàn thành: bắt đầu từ quý I/2024 đến quý II/2025
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 30/06/2024: Dự án thực hiện theo đúng kế hoạch được phê duyệt, đang triển khai giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án.

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	6.463.353.389	169.800.000	28.057.289.891	34.690.443.280
- Mua trong kỳ	-	322.767.727	-	322.767.727
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	6.463.353.389	492.567.727	28.057.289.891	35.013.211.007
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	4.136.010.171	73.580.000	12.669.384.198	16.878.974.369
- Khấu hao trong kỳ	129.477.284	18.724.367	1.416.306.288	1.564.507.939
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	4.265.487.455	92.304.367	14.085.690.486	18.443.482.308
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	2.327.343.218	96.220.000	15.387.905.693	17.811.468.911
Tại ngày cuối kỳ	2.197.865.934	400.263.360	13.971.599.405	16.569.728.699

Trong đó:

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 5.815.172.728 đồng.

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	34.896.381	62.319.302
Chi phí sửa chữa phòng họp tầng 3	-	128.756.740
Chi phí bảo hiểm	60.702.002	164.496.806
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	63.600.001	65.359.138
	159.198.384	420.931.986
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa tàu Hoa tiêu 03	28.776.815	-
Phần mềm kế toán	1.631.186	4.097.852
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.032.595.265	1.175.822.128
	2.063.003.266	1.179.919.980

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Số 41 đường Đinh Công Trữ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

12 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
Bên khác				
- Công ty CP Xi măng Sông Lam	80.730.000	80.730.000	38.350.000	38.350.000
- Công ty TNHH Long Phương Phát	70.775.000	70.775.000	60.120.000	60.120.000
- Nguyễn Thị Hương	70.971.600	70.971.600	88.366.600	88.366.600
- Trần Văn Thắng	137.370.800	137.370.800	246.512.000	246.512.000
- Nguyễn Văn Hòa	42.245.000	42.245.000	9.741.200	9.741.200
- Công ty CP cảng Quốc tế	123.684.000	123.684.000	8.844.174	8.844.174
- Phải trả các đối tượng khác	23.120.000	23.120.000	112.869.750	112.869.750
	548.896.400	548.896.400	564.803.724	564.803.724



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Số 41 đường Đinh Công Trữ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

13 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	265.752.384	219.967.322	-	45.785.062
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	1.696.304.785	4.682.309.741	4.064.893.004	-	2.313.721.522
Thuế Thu nhập cá nhân	-	163.000.000	1.662.675.188	1.908.581.783	82.906.595	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	-	11.580.177	11.580.177	-	-
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	3.000.000	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	39.568	39.568	-	-
	-	1.859.304.785	6.625.357.058	6.208.061.854	82.906.595	2.359.506.584

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14 . PHẢI TRẢ NGÂN HẠN KHÁC

a) Ngân hạn

- Phải trả Tổng Công ty Bảo đảm ATHH miền Bắc
- Tiền dịch vụ hoa tiêu hàng hải quá cảnh của Lào

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
	-	11.600.350.437
	1.712.795.254	1.233.611.366
	1.712.795.254	12.833.961.803

b) Trong đó: Phải trả ngân hạn khác là các bên liên quan

- Tổng Công ty Bảo đảm ATHH miền Bắc

	-	11.600.350.437
	-	11.600.350.437

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Số 41 đường Đinh Công Trữ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

15 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	26.235.013.762	-	-	26.235.013.762
Lãi trong kỳ trước	-	-	25.901.020.539	25.901.020.539
Phân phối lợi nhuận	-	7.770.306.162	(14.300.670.102)	(6.530.363.940)
Chuyển về Tổng Công ty Bảo đảm ATHH miền Bắc	-	-	(11.600.350.437)	(11.600.350.437)
Số dư cuối kỳ trước	26.235.013.762	7.770.306.162	-	34.005.319.924
Số dư đầu năm nay	26.235.013.762	7.770.306.162	-	34.005.319.924
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong kỳ nay	-	-	18.710.245.962	18.710.245.962
Phân phối lợi nhuận (*)	-	-	(5.000.000.000)	(5.000.000.000)
Số dư cuối kỳ nay	26.235.013.762	7.770.306.162	13.710.245.962	47.715.565.886

(*) Theo Quyết định số 673/QĐ-TCTBĐATHHMB ngày 30 tháng 9 năm 2019 của Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc về việc ban hành Quy chế tài chính của Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu hàng hải khu vực VI, Công ty đã thực hiện tạm phân phối lợi nhuận trong năm 2024, cụ thể như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100,00%	18.710.245.962
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	26,72%	5.000.000.000
Lợi nhuận chưa phân phối	73,28%	13.710.245.962



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Vốn góp của Tổng công ty Bảo đảm ATHH miền Bắc	100,00%	34.005.319.924	100,00%	34.005.319.924
	100%	34.005.319.924	100%	34.005.319.924

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	34.005.319.924	26.235.013.762
- Vốn góp đầu kỳ	34.005.319.924	26.235.013.762
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	34.005.319.924	26.235.013.762
Lợi nhuận:		
- Lợi nhuận phải trả đầu kỳ	11.600.350.437	5.597.122.115
- Lợi nhuận phải trả trong kỳ	-	-
+ Lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-
- Lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(11.600.350.437)	(5.597.122.115)
+ Lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước	(11.600.350.437)	(5.597.122.115)
+ Lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-
- Lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	-	-

16 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại	30/06/2024	01/01/2024
- Đồng đô la Mỹ (USD)	156,44	163,04

17 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	54.306.528.032	40.928.782.952
	54.306.528.032	40.928.782.952

18 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	23.651.842.700	18.936.626.060
	23.651.842.700	18.936.626.060

19 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2024 VND	6 tháng đầu năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	185.426.793	56.835.750
	185.426.793	56.835.750

51074
CHI NHÁ
VỐN TỶ
M TOÁN
M ĐỊNH
IẾT NAK
IẾN TRI
- T. NGH

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

20 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí lương, bảo hiểm, kinh phí công đoàn	4.692.182.558	3.748.002.346
Chi phí đồ dùng văn phòng	220.617.843	205.234.153
Chi phí khấu hao tài sản cố định	51.438.979	71.318.010
Thuế, phí, lệ phí	14.580.177	30.897.447
Chi phí vật liệu quản lý	24.423.810	26.326.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	597.322.043	363.974.887
Chi phí khác bằng tiền	1.827.998.008	1.716.999.344
	7.428.563.418	6.162.752.187

21 . CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí khác	18.993.004	108.811.164
	18.993.004	108.811.164

22 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	23.392.555.703	15.777.429.291
Các khoản điều chỉnh tăng	18.993.004	108.811.165
- Chi phí không hợp lệ	18.993.004	108.811.165
Thu nhập chịu thuế TNDN	23.411.548.707	15.886.240.456
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	4.682.309.741	3.177.248.091
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ	1.696.304.785	1.122.101.126
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ	(4.064.893.004)	(2.570.432.378)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	2.313.721.522	1.728.916.839

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HOA TIÊU HÀNG HẢI KHU VỰC VI

Số 41 đường Đinh Công Trứ, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2024 đến ngày 30/06/2024

23 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YÊU TỐ

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	6.351.641.560	5.878.918.435
Chi phí nhân công	17.388.528.553	13.939.542.829
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.564.507.939	1.532.774.042
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.761.037.644	1.840.837.788
Chi phí khác bằng tiền	2.014.690.422	1.907.305.153
	31.080.406.118	25.099.378.247

24 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc	Công ty mẹ
Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc	Chủ tịch HĐQT, thành viên Ban Giám đốc

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Phân chia lợi nhuận trong năm	11.600.350.437	5.597.122.115
Tổng Công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Bắc	11.600.350.437	5.597.122.115
	6 tháng đầu năm 2024	6 tháng đầu năm 2023
	VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt		
Chủ tịch Công ty và các thành viên Ban Giám đốc	1.876.506.810	1.191.039.210

25 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam tại miền Trung kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ từ ngày 01/01/2023 đến 30/6/2023 do Công ty TNHH Một thành viên Hoa tiêu hàng hải Khu vực VI lập.


Trần Thị Thoa
Người lập


Dương Thị Minh Thanh
Kế toán trưởng


Đào Mạnh Hà
Giám đốc

Nghệ An, ngày 12 tháng 7 năm 2024